

Số: 39/2018/QĐST-DS

Lấp Vò, ngày 12 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bịch E, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 374 ấp An Quới, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV, ĐT;

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 78, ấp Vĩnh Phú, xã Bnh Thành, huyện LV, ĐT là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 10 tháng 01 năm 2017).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 347 ấp An Quới, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV, ĐT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Ngọc B, sinh năm 1963;
- Chị Nguyễn Thị Chúc G, sinh năm 1986;
- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số 347 ấp An Quới, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV, ĐT.

- Ủy ban nhân dân huyện LV; địa chỉ: Khóm Bnh Thạnh 1, thị trấn L V, huyện LV, ĐT.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện L V: Ông Đặng Hữu T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò là người đại diện theo pháp luật.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn Bạch E và ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Ngọc B thống nhất xác định ranh đất giữa đất ông E và đất ông M, bà B cụ thể như sau:

+ Mốc 2 là trụ đá do ông E và ông M tự xác định và cắm giáp giữa đất ông M, ông Bạch E và ông Lợi.

+ Mốc 3 là trụ đá do ông E và ông M xác định cắm nằm mí ngoài góc gáo do ông E trồng.

+ Mốc 4 là trụ đá giáp giữa đất ông E và ông M, do ông E và ông M tự xác định và cắm.

Phần đất của ông E sử dụng được thể hiện ở các mốc 2, 3, 4, 5, 1, A và trở về mốc 2 (Trong đó, phần đất bờ xáng diện tích $273.3m^2$ thể hiện các mốc 1, A, 4, 5 và phần đất còn lại ông E sử dụng diện tích $706.6m^2$ thể hiện các mốc A, 2, 3, 4).

Phần đất hộ ông M sử dụng thể hiện ở mốc 2, 6, 7, 4, 3 và trở về mốc 2, diện tích $3.412,4m^2$.

Theo biên bản xE xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc ngày 03/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò.

Ông Nguyễn Văn Bạch E được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ông đang sử dụng theo đo đạc thực tế thể hiện trong sơ đồ đo đạc ngày 03/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò.

Chi phí làm thủ tục và đăng ký ông Nguyễn Văn Bạch E chịu.

Hộ ông Nguyễn Văn M được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế thể hiện trong sơ đồ đo đạc ngày 03/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò.

Án phí: Tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn Bạch E chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Nguyễn Văn Bạch E đã nộp là 3.540.000 đồng (Ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 10330 ngày 27/3/2017 của Chi cục thi hành án huyện Lấp Vò. Ông Nguyễn Văn Bạch E được nhận lại 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chi phí xE xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.004.000 đồng (Sáu triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng) ông Nguyễn Văn Bạch E tự nguyện chịu (Đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- THA dân sự Huyện;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Kiều Tiên